

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC HẠN NĂM 2014

(Ban hành kèm Quyết định số 1443/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Lương hiện hưởng			Kết quả NBL trước hạn			Thành tích
			Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	
1	Nguyễn Đình Thọ	V.ĐTQT	6/8	6,10	01/11/2012	7/8	6,44	01/11/2014	2 BK Bộ GD&ĐT 2013 ISI A 2012, ISI B 2013 Giải thưởng NCKH xuất sắc năm 2014 01 NCKH cấp Trường 2014 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
2	Trần Thế Hoàng	P.QLĐT-CTSV	5/8	5,76	01/10/2012	6/8	6,10	01/10/2014	BK Thủ tướng 2012 01 NCKH cấp Trường 2012 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
3	Bùi Quang Hùng	P.TC-KT	4/9	3,33	01/04/2012	5/9	3,66	01/04/2014	BK Bộ GD&ĐT 2014 Cán bộ quản lý của năm 2012 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
4	Nguyễn Thị Kim Chi	P.KHĐT-KT	5/9	3,66	01/03/2012	6/9	3,99	01/03/2014	BK Bộ GD&ĐT 2012 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
5	Nguyễn Hoàng Bảo	K.KTế	3/8	5,08	01/12/2012	4/8	5,42	01/12/2014	BK Bộ GD&ĐT 2014 Giảng viên của năm 2014 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
6	Từ Thị Kim Thoa	K.TC	2/8	4,74	01/01/2012	3/8	5,08	01/01/2014	01 bài trong Kỷ yếu HTKH Quốc tế 02 NCKH cấp Trường 2013 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
7	Trần Hà Minh Quân	V.ĐTQT	5/9	3,66	01/03/2012	6/9	3,99	01/03/2014	Scopus C 2014 01 NCKH cấp Bộ 2013 CSTĐCS 2014

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Lương hiện hưởng			Kết quả NBL trước hạn			Thành tích
			Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	
8	Đinh Thị Thu Hà	P.ĐBCL-PTCT	2/9	2,67	01/07/2012	3/9	3,00	01/07/2014	01 bài báo quốc tế 01 bài trong Kỷ yếu HTKH Quốc tế CSTĐCS 2012, 2013, 2014
9	Nguyễn Phong Nguyên	K.KToán	4/9	3,33	01/07/2012	5/9	3,66	01/07/2014	Tiến sĩ 2014 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
10	Nguyễn Bích Liên	K.KToán	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	Tiến sĩ 2013 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
11	Vũ Việt Quảng	K.TC	4/9	3,33	01/04/2012	5/9	3,66	01/04/2014	Tiến sĩ 2013 CSTĐCS 2014
12	Trần Thị Giang Tân	K.KToán	7/8	6,44	01/10/2012	8/8	6,78	01/10/2014	2 NCKH cấp Trường 2013, 2015 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
13	Trương Việt Phương	K.HTTTKD	4/9	3,33	01/12/2012	5/9	3,66	01/12/2014	1 NCKH cấp Trường 2015 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
14	Trần Thị Tuấn Anh	K.T-TK	4/9	3,33	01/05/2012	5/9	3,66	01/05/2014	01 NCKH cấp Trường 2015 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
15	Quách Thị Bửu Châu	K.KDQT-Mar	3/8	5,08	01/12/2012	4/8	5,42	01/12/2014	01 NCKH cấp Trường 2012 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
16	Lê Tấn Phước	K.NH	6/9	3,99	01/10/2012	7/9	4,32	01/10/2014	1 NCKH cấp Trường 2013 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
17	Trương Quang Thông	K.NH	2/8	4,74	01/07/2012	3/8	5,08	01/07/2014	1 NCKH cấp Trường 2013 CSTĐCS 2012, 2013, 2014
18	Trần Quang Đăng	P.CSVC	9/12	3,46	01/06/2013	10/12	3,66	01/06/2014	Nhân viên của năm 2014 CSTĐCS 2013, 2014
19	Trần Hoàng Tâm	P.TC-KT	2/9	2,67	01/07/2012	3/9	3,00	01/07/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
20	Nguyễn Tất Thắng	P.CSVC	5/9	3,66	01/06/2012	6/9	3,99	01/06/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
21	Nguyễn Cảnh Hưng	P.CSVC	7/9	4,32	01/10/2012	8/9	4,65	01/10/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
22	Nguyễn Thị Minh Hồng	Tviện	6/9	3,99	01/10/2012	7/9	4,32	01/10/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
23	Đinh Phi Hồ	TT.PTKT	6/8	6,10	01/07/2012	7/8	6,44	01/07/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
24	Nguyễn Tấn Khuyên	V.NCKTPT	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
25	Nguyễn Thị Diệu Chi	K.NNKT	7/9	4,32	01/07/2012	8/9	4,65	01/07/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
26	Võ Thành Trí	K.HTTTKD	5/9	3,66	01/08/2012	6/9	3,99	01/08/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
27	Phan Hiền	K.HTTTKD	4/9	3,33	01/12/2012	5/9	3,66	01/12/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
28	Nguyễn Ngọc Dung	K.KToán	3/8	5,08	01/12/2012	4/8	5,42	01/12/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Lương hiện hưởng			Kết quả NBL trước hạn			Thành tích
			Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	
29	Nguyễn Thủy Hằng	K.KToán	8/9	4,65	01/08/2012	9/9	4,98	01/08/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
30	Đoàn Văn Hoạt	K.KToán	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
31	Thái Trí Dũng	K.KTế	3/8	5,08	01/12/2012	4/8	5,42	01/12/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
32	Phan Nữ Thanh Thủy	K.KTế	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
33	Lâm Mạnh Hà	K.KTế	3/8	5,08	01/07/2012	4/8	5,42	01/07/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
34	Trần Bá Thọ	K.KTế	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
35	Lê Trung Cang	K.KTế	3/8	5,08	01/09/2012	4/8	5,42	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
36	Trần Thu Vân	K.KTế	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
37	Nguyễn Thị Diệu Phương	K.LLCT	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
38	Lại Tiến Đình	K.NH	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
39	Cao Ngọc Thủy	K.NH	2/9	2,67	01/10/2012	3/9	3,00	01/10/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
40	Trần Thị Mộng Tuyết	K.NH	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
41	Nguyễn Quốc Anh	K.NH	5/9	3,66	01/04/2012	6/9	3,99	01/04/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
42	Phạm Tổ Nga	K.NH	3/9	3,00	03/01/2012	4/9	3,33	03/01/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
43	Trần Thị Minh Hiếu	K.QT	4/9	3,33	01/07/2012	5/9	3,66	01/07/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
44	Bùi Thị Thanh	K.QT	3/8	5,08	01/12/2012	4/8	5,42	01/12/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
45	Lê Thị Lanh	K.TC	5/8	5,76	01/09/2012	6/8	6,10	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
46	Quách Doanh Nghiệp	K.TC	2/9	2,67	01/08/2012	3/9	3,00	01/08/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
47	Trần Thị Thùy Linh	K.TC	3/8	5,08	01/01/2012	4/8	5,42	01/01/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
48	Lê Quang Cường	K.TCC	5/9	3,66	01/11/2012	6/9	3,99	01/11/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
49	Nguyễn Văn Trãi	K.T-TK	4/8	5,42	01/09/2012	5/8	5,76	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
50	Nguyễn Thành Vinh	Tổ chuyên trách	2/9	2,67	01/09/2012	3/9	3,00	01/09/2014	CSTĐCS 2012, 2013, 2014
51	Lương Quang Long	P.CSVC	4/12	2,46	01/06/2013	5/12	2,66	01/06/2014	CSTĐCS 2013, 2014
52	Trần Thanh Minh	P.CSVC	10/12	3,27	01/06/2013	11/12	3,45	01/06/2014	CSTĐCS 2013, 2014
53	Quách Đức Sơn	P.CSVC	7/12	2,73	01/12/2013	8/12	2,91	01/12/2014	CSTĐCS 2013, 2014
54	Đặng Bá Hồng	P.CSVC	9/12	3,09	01/07/2013	10/12	3,27	01/07/2014	CSTĐCS 2013, 2014
55	Nguyễn Đình Tiến	P.CSVC	4/12	2,19	01/07/2013	5/12	2,37	01/07/2014	CSTĐCS 2013, 2014
56	Đoàn Ngọc Hậu	P.CSVC	3/12	2,01	01/05/2013	4/12	2,19	01/05/2014	CSTĐCS 2013, 2014
57	Chung Quốc Bảo	P.CSVC	3/12	2,01	01/12/2013	4/12	2,19	01/12/2014	CSTĐCS 2013, 2014
58	Trịnh Quang Toàn	P.CSVC	2/12	2,06	01/12/2013	3/12	2,26	01/12/2014	CSTĐCS 2013, 2014

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Lương hiện hưởng			Kết quả NBL trước hạn			Thành tích
			Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Mức tính	
59	Võ Đại Long	P.CSVC	2/12	2,06	01/01/2013	3/12	2,26	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014
60	Nguyễn Thị Mến	P.CSVC	3/12	1,36	01/01/2013	4/12	1,54	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014
61	Nguyễn Thê Thọ	P.CSVC	2/12	2,06	01/01/2013	3/12	2,26	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014
62	Ngô Thị Thanh Hà	P.CSVC	3/12	1,36	01/03/2013	4/12	1,54	01/03/2014	CSTĐCS 2013, 2014
63	Lê Quang Hùng	P.CNTT	3/12	2,01	01/06/2013	4/12	2,19	01/06/2014	CSTĐCS 2013, 2014
64	Huỳnh Tấn Minh	P.CNTT	3/12	2,01	01/12/2013	4/12	2,19	01/12/2014	CSTĐCS 2013, 2014
65	Châu Quốc Long	P.CNTT	3/12	2,01	01/12/2013	4/12	2,19	01/12/2014	CSTĐCS 2013, 2014
66	Nguyễn Vĩnh Thuận	TT.DVKT	3/12	1,86	01/01/2013	4/12	2,04	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014
67	Lê Thị Kim Chi	T.Ytế	6/12	2,86	01/01/2013	7/12	3,06	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014
68	Bùi Thanh Tùng	P.TCHC	2/12	1,68	01/02/2013	3/12	1,86	01/02/2014	CSTĐCS 2013, 2014
69	Võ Thanh Phương	P.TCHC	3/12	1,86	01/01/2013	4/12	2,04	01/01/2014	CSTĐCS 2013, 2014

Danh sách gồm 69 (sáu mươi chín) viên chức

